

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ II - LỊCH SỬ 10 (2023-2024)

A/ TRẮC NGHIỆM

- Câu 1:** Dưới triều đại nhà Lê (thế kỉ XV), bộ luật thành văn nào sau đây được ban hành?
A. Hình luật. B. Hình thư.
C. Quốc triều hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.
- Câu 2:** Triều đại nào mở đầu cho thời đại phong kiến độc lập của dân tộc ta?
A. Triều Tiền Lý. B. Triều Ngô. C. Triều Lê. D. Triều Nguyễn.
- Câu 3:** Các nhà nước phong kiến Việt Nam được xây dựng theo thể chế
A. Quân chủ lập hiến. B. Chiếm hữu nô lệ.
C. Dân chủ chủ nô. D. Quân chủ chuyên chế.
- Câu 4:** Bộ máy nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền của Đại Việt được hoàn chỉnh dưới triều đại nào?
A. Thời Lý. B. Thời Trần. C. Thời Lê sơ. D. Thời Hồ.
- Câu 5:** Việc nhà Lý cho xây dựng đàn Xã Tắc ở Thăng Long mang ý nghĩa nào sau đây?
A. Nhà nước coi trọng sản xuất nông nghiệp.
B. Nhà nước coi trọng bảo vệ độc lập dân tộc.
C. Cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân dân ta.
D. Khuyến khích nhân dân phát triển thương nghiệp.
- Câu 6:** Các xưởng thủ công của nhà nước dưới các triều đại phong kiến Việt Nam còn được gọi là
A. Cục bách tác. B. Quốc sử quán. C. Quốc Tử Giám. D. Hàn lâm viện.
- Câu 7:** Trung tâm chính trị - văn hóa và đô thị lớn nhất Đại Việt trong các thế kỉ X-XV là
A. Phố Hiến. B. Thanh Hà. C. Thăng Long. D. Hội An.
- Câu 8:** Năm 1149, để đẩy mạnh phát triển ngoại thương nhà Lý đã có chủ trương gì?
A. Phát triển Thăng Long với 36 phố phường. B. Xây dựng cảng Vân Đồn (Quảng Ninh).
C. Cho phát triển các chợ làng, chợ huyện. D. Xây dựng địa điểm trao đổi hàng hóa ở biên giới.
- Câu 9:** “Tam giáo đồng nguyên” là sự hòa hợp của của các tôn giáo nào sau đây?
A. Phật giáo - Đạo giáo - Nho giáo.
B. Phật giáo - Nho giáo - Thiên Chúa giáo.
C. Phật giáo - Đạo giáo - Tín ngưỡng dân gian.
D. Nho giáo - Phật giáo - Ấn Độ giáo.
- Câu 10:** Hai loại hình văn học chính của Đại Việt dưới các triều đại phong kiến gồm
A. văn học nhà nước và văn học dân gian. B. văn học viết và văn học truyền miệng.
C. văn học nhà nước và văn học tự do. D. văn học dân gian và văn học viết.
- Câu 11:** Chữ Nôm trở thành chữ viết chính thống dưới triều đại phong kiến nào của nước ta?
A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C. Lê sơ. D. Tây Sơn.
- Câu 12:** Việc cho dựng bia đá ở Văn Miếu Quốc Tử giám thể hiện chính sách nào sau đây của các triều đại phong kiến Việt Nam?
A. Nhà nước coi trọng giáo dục, khoa cử. B. Ghi danh những anh hùng có công với nước.
C. Ghi lại tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc. D. Đề cao vai trò của sản xuất nông nghiệp.
- Câu 13:** Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt?
A. Có cội nguồn từ các nền văn minh cổ xưa trên đất nước Việt Nam.
B. Tiếp thu chọn lọc từ thành tựu của các nền văn minh bên ngoài.
C. Nho giáo là tư tưởng chính thống trong suốt các triều đại phong kiến.
D. Trải qua quá trình đấu tranh, củng cố độc lập dân tộc của quân và dân ta.
- Câu 14:** Nội dung nào sau đây **không** phải là chính sách của nhà nước phong kiến Đại Việt trong việc khuyến khích sản xuất nông nghiệp phát triển?
A. Tách thủ công nghiệp thành một ngành độc lập.
B. Khuyến khích khai hoang, mở rộng diện tích đất canh tác.
C. Tổ chức nghi lễ cày ruộng tịch điền khuyến khích sản xuất.
D. Nhà nước quan tâm trị thủy, bảo vệ sức kéo nông nghiệp.
- Câu 16:** Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** vai trò của “Quan xưởng” trong thủ công nghiệp nhà nước?
A. Tạo ra sản phẩm chất lượng cao để trao đổi buôn bán trong và ngoài nước.
B. Huy động lực lượng thợ thủ công tay nghề cao phục vụ chế tác, buôn bán.
C. Tạo ra sản phẩm chất lượng cao phục vụ nhu cầu của triều đình phong kiến.
D. Tạo ra các hình mẫu hỗ trợ thủ công nghiệp cả nước phát triển.
- Câu 17:** Đặc điểm của văn học Việt Nam trong nửa đầu thế kỉ XIX là
A. Văn học chữ Hán phát triển hơn văn học chữ Nôm. B. Văn học chữ Nôm phát triển lấn át văn học chữ Hán.
C. Văn học chữ Hán và chữ Nôm suy tàn. D. Phát triển văn học viết bằng chữ Quốc Ngữ.

Câu 18: Dưới triều đại phong kiến nhà Lê (thế kỉ XV), nhà nước cho dựng Bia ghi danh tiến sĩ **không** mang ý nghĩa nào sau đây?

- A. Khuyến khích nhân tài.
- B. Vinh danh hiền tài.
- C. Đề cao vai trò của nhà vua.
- D. Răn đe hiền tài.

Câu 19: Văn học chữ Nôm ra đời có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thể hiện sự phát triển của văn minh Đại Việt thời Lý-Trần.
- B. Vai trò của việc tiếp thu văn hóa Ấn Độ vào Đại Việt.
- C. Thể hiện sự sáng tạo, tiếp biến văn hóa của người Việt.
- D. Ảnh hưởng của việc truyền bá Công giáo vào Việt Nam.

Câu 20: Nội dung nào dưới đây **không** phải là thành tựu của nông nghiệp Việt Nam thời phong kiến?

- A. Cải thiện kỹ thuật thâm canh lúa nước.
- B. Mở rộng diện tích canh tác bằng nhiều biện pháp.
- C. Du nhập và cải tạo các giống cây từ bên ngoài.
- D. Sản phẩm nông nghiệp nâng lên hàng đầu khu vực.

Câu 21: Nội dung nào sau đây là một trong những cơ sở của việc hình thành nền văn minh Đại Việt là

- A. Có cội nguồn từ các nền văn minh lâu đời tồn tại trên đất nước Việt Nam.
- B. Hình thành từ việc lưu truyền các kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
- C. Có nguồn gốc từ việc tiếp thu hoàn toàn văn minh bên ngoài.
- D. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa Trung Hoa qua ngàn năm Bắc thuộc.

Câu 22: Nhận xét nào **không** đúng khi nói về tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến thời Đinh-Tiền Lê?

- A. Tổ chức theo mô hình quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.
- B. Bộ máy nhà nước được hoàn thiện, chặt chẽ, tính chuyên chế cao.
- C. Đặt cơ sở cho sự hoàn chỉnh bộ máy nhà nước ở giai đoạn sau.
- D. Tổ chức còn đơn giản nhưng đã thể hiện ý thức độc lập, tự chủ.

Câu 23: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa sự ra đời các làng nghề thủ công truyền thống ở Đại Việt?

- A. Nâng cao năng lực cạnh tranh với các xưởng thủ công của nhà nước.
- B. Sản xuất được chuyên môn hóa, sản phẩm có chất lượng cao hơn.
- C. Sản phẩm mang nét độc đáo, gây dựng thành thương hiệu nổi tiếng.
- D. Góp phần quan trọng thúc đẩy thương nghiệp phát triển.

Câu 24: Nhận xét nào sau đây là **đúng** khi nói về hạn chế của văn minh Đại Việt?

- A. Xuất phát từ nghề nông lúa nước nên chỉ chú trọng phát triển nông nghiệp.
- B. Không khuyến khích thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển.
- C. Chỉ đề cao vị thế của Nho giáo nhằm giữ vững kỷ cương, ổn định xã hội.
- D. Việc phát minh khoa học-kỹ thuật không được chú trọng phát triển.

Câu 25: Cải cách hành chính của vua Minh Mạng (1831 – 1832) và vua Lê Thánh Tông (thế kỷ XV) có điểm chung là

- A. đều chia nước ta thành nhiều tỉnh để thuận lợi trong việc quản lý.
- B. nhằm củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế.
- C. không lập Hoàng hậu và không phong tước Vương cho người ngoài họ.
- D. bãi bỏ cấp trung gian, không lập Tế tướng và không lấy đồ Trạng nguyên.

Câu 26: Trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam, nền văn minh Đại Việt **không** mang ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thể hiện tinh thần quật khởi và sức lao động sáng tạo, bền bỉ của nhân dân.
- B. Chứng minh sự phát triển vượt bậc của dân tộc Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.
- C. Góp phần to lớn tạo nên sức mạnh dân tộc chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập.
- D. Là nền tảng để dân tộc Việt Nam sánh ngang với các cường quốc trên thế giới.

Câu 27: Nhận xét nào sau đây là **đúng** khi nói về đặc điểm của nền văn minh Đại Việt?

- A. Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, phong phú, mang đậm tính dân tộc.
- B. Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, lâu đời và có tính dân chủ.
- C. Là sự kết hợp hoàn toàn giữa văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ.
- D. Thiết chế chính trị của các triều đại phong kiến Đại Việt được đều mang tính dân chủ.

Câu 28: Việc đề cao Nho giáo của các nhà nước phong kiến Đại Việt đã **không** dẫn đến hệ quả nào dưới đây?

- A. Giữ ổn định trật tự kỷ cương của nhà nước phong kiến.
- B. Tạo ra sự bảo thủ, chậm cải cách trước những biến đổi xã hội.
- C. Nguy cơ tụt hậu, đứng trước sự xâm lược của thực dân phương Tây.
- D. Tạo điều kiện giao lưu giữa các tôn giáo làm đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 29: Nhận xét nào sau đây là **đúng** khi nói về đặc điểm của nền văn minh Đại Việt?

- A. Văn minh Đại Việt không có nguồn gốc bản địa mà du nhập từ bên ngoài vào.
- B. là nền văn minh nông nghiệp lúa nước gắn với văn hóa làng xã.
- C. Là nền văn minh phát triển rực rỡ nhất khu vực Đông Nam Á.
- D. Trong kỷ nguyên Đại Việt, mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa đều phát triển.

Câu 30. Khái niệm “dân tộc Việt Nam” thuộc nghĩa khái niệm nào?

- A. Dân tộc – tộc người.
- B. Dân tộc –quốc gia.
- C. Dân tộc đa số.
- D. Dân tộc thiểu số.

Câu 31. Những cộng đồng người có chung ngôn ngữ, văn hoá và ý thức tự giác dân tộc được gọi là

- A. Dân tộc – tộc người.
- B. Dân tộc –quốc gia.
- C. Dân tộc đa số.
- D. Dân tộc thiểu số.

Câu 32. Căn cứ vào tiêu chí nào để phân chia các nhóm dân tộc ở Việt Nam ?

- A. Theo dân số.
- B. Theo số lượng tộc người.
- C. Theo địa bàn phân bố.
- D. Theo nét văn hoá đặc trưng.

Câu 33. Dân tộc nào là đa số ở Việt Nam?

- A. Mường.
- B. Tày.
- C. Thái.
- D. Kinh.

Câu 34. Hoạt động sản xuất chính trong nông nghiệp của dân tộc Kinh ở Việt Nam là

- A. trồng lúa nước.
- B. trồng cây lúa mì.
- C. trồng cây lúa mạch.
- D. trồng cây lúa nương.

Câu 35. Hoạt động sản xuất thủ công nghiệp của người Kinh có điểm gì khác so với dân tộc thiểu số?

- A. Người Kinh làm nhiều nghề thủ công khác nhau.
- B. Nghề gốm, rèn, đúc ra đời sớm nhưng ít phổ biến.
- C. Tạo ra sản phẩm của các ngành nghề rất tinh xảo.
- D. Sản phẩm đa dạng, nhiều sản phẩm được xuất khẩu với giá trị cao.

Câu 36. Nhà ở truyền thống của người Kinh là loại nhà nào?

- A. Nhà trệt xây bằng gạch hoặc đắp bằng đất.
- B. Nhà nửa sàn, nửa trệt.
- C. Nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa.
- D. Nhà nhiều tầng.

Câu 37. Điểm khác nhau trong trang phục của các dân tộc thiểu số so với dân tộc Kinh là gì?

- A. Được may bằng nhiều loại vải có chất liệu tự nhiên.
- B. Trang phục thường có hoa văn trang trí sắc sỡ.
- C. Trang phục chủ yếu là áo và quần/váy.
- D. Ưa thích dùng đồ trang sức.

Câu 38. Căn cứ vào tiêu chí phân chia nhóm các dân tộc ở Việt Nam, dân tộc Kinh thuộc nhóm

- A. dân tộc đa số.
- B. dân tộc thiểu số.
- C. dân tộc vùng thấp.
- D. dân tộc vùng đồng bằng.

Câu 39. Căn cứ vào tiêu chí nào dưới đây để phân chia nhóm các dân tộc ở Việt Nam?

- A. Dân số của các dân tộc trên phạm vi lãnh thổ.
- B. Thời gian xuất hiện của dân tộc đầu tiên.
- C. Thành tích đấu tranh chống giặc ngoại xâm.
- D. Không gian địa lí trên phạm vi lãnh thổ.

Câu 40. Người Khơ-me và người Chăm cùng canh tác lúa nước ở đâu?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng duyên hải miền Trung.
- D. Các sườn núi ở Tây Nguyên.

Câu 41. Canh tác lúa nước là hoạt động kinh tế chính của tộc ở Việt Nam?

- A. Kinh.
- B. Thái.
- C. Chăm.
- D. Mường.

Câu 42. Những nghề thủ công ra đời sớm, phát triển mạnh ở hầu hết các dân tộc ở nước ta là

- A. nghề dệt và nghề đan.
- B. nghề rèn, đúc và nghề mộc.
- C. nghề gốm và nghề rèn đúc.
- D. nghề gốm và làm đồ trang sức.

Câu 43. Lễ hội liên quan đến chùa chiềng là phổ biến của tộc người thiểu số nào ở nước ta?

- A. Người Khơ-me.
- B. Người Kinh.
- C. Người Chăm.
- D. Người Mường.

Câu 44. Lễ hội của tộc người thiểu số ở nước ta chủ yếu được tổ chức với quy mô

- A. từng làng/bản và tộc người.
- B. nhiều làng/bản hay cả khu vực.
- C. tập trung ở các đô thị lớn.
- D. theo từng dòng họ ruột thịt.

Câu 45. Tín ngưỡng tôn giáo sau đây được người Việt tiếp thu từ bên ngoài?

- A. Thờ Phật.
- B. Thờ anh hùng dân tộc.
- C. Thờ ông Thành hoàng.
- D. Thờ cúng tổ tiên.

Câu 46. Theo đặc điểm để xếp các dân tộc vào cùng một ngữ hệ ở Việt Nam, dân tộc Kinh thuộc ngữ hệ nào dưới đây?

- A. Ngữ hệ Nam Á.
- B. Ngữ hệ Bắc Á.
- C. Ngữ hệ Đông Á.
- D. Ngữ hệ Tây Á.

Câu 47. Về phong tục, tập quán, lễ hội của người Kinh khác hầu hết các dân tộc thiểu số là liên quan

- A. chu kì thời gian/ thời tiết.
- B. chu kì vòng đời.
- C. chu kì canh tác.
- D. chu kì Mặt Trăng.

Câu 48. Yếu tố nào **không** phải là đặc điểm trong hoạt động sản xuất chủ yếu của tộc người Kinh?

- A. Trồng lúa trên ruộng bậc thang.
- B. Phát triển nuôi trồng thủy - hải sản.
- C. Thường xuyên đắp đê ngăn lũ lụt.
- D. Trồng lúa và cây lương thực khác.

Câu 49. Nội dung nào là đặc điểm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của tộc người thiểu số ở nước ta?

- A. Lúa nước được trồng ở ruộng bậc thang.
- B. Phát triển nuôi trồng thủy - hải sản.
- C. Phải thường xuyên đắp đê ngăn lũ lụt.
- D. Phải thường xuyên thau chua rửa mặn.

- Câu 50.** Vì sao hoạt động kinh tế chính của người Kinh ngày xưa là sản xuất nông nghiệp trồng cây lúa nước?
 A. Do cư trú chủ yếu ở vùng đồng bằng. B. Do cư trú ở các sườn núi và đồi cao.
 C. Do cư trú chủ yếu ở các thung lũng. D. Do chỉ có cây lúa nước là cây lương thực.
- Câu 51.** Sản xuất nông nghiệp của người Kinh và các dân tộc thiểu số có điểm gì giống nhau?
 A. Điều phát triển nông nghiệp với đặc trưng là trồng lúa...
 B. Chủ yếu là trồng lúa nương, ngô, khoai, sắn, cây ăn quả...
 C. Phát triển đánh bắt thủy – hải sản. Ít chú trọng nuôi thủy hải sản...
 D. Chủ yếu là trồng lúa nước, bên cạnh đó trồng cả sắn, ngô, củ quả...
- Câu 52.** Nét tương đồng trong bữa ăn của các cộng đồng dân tộc Việt Nam trước đây là
 A. cơm tẻ, rau, cá. B. cơm nếp, rau, cá. C. bánh mì, khoai tây. D. cơm thập cẩm.
- Câu 53.** Tín ngưỡng phổ biến và tiêu biểu nhất của người Việt là
 A. thờ cúng tổ tiên. B. thờ Thần linh. C. thờ phồn thực. D. thờ cúng Phật.
- Câu 54.** dịp lễ tết lớn nhất trong năm của người Kinh là
 A. tết Nguyên Tiêu. B. tết Hàn thực. C. tết Nguyên đán. D. tết Trung thu.
- Câu 55.** Đồ ăn, thức uống cơ bản của người Kinh ở miền Bắc là
 A. cơm tẻ, nước chè. B. mèn mén, rượu cần. C. cơm nếp, nước vối. D. xôi, ngô, rượu đoác.
- Câu 56.** Khăn Piêu là một sản phẩm thổ cẩm nổi tiếng của dân tộc nào?
 A. Kinh. B. Thái. C. Hoa. D. Sán Diu.
- Câu 57.** Kiểu nhà phổ biến của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là
 A. nhà sàn. B. nhà trệt. C. nhà mái bằng. D. nhà cấp 4.
- Câu 58.** Loại nhạc khí nào của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên được đề cập đến trong câu đố sau:
*“Lưng bằng cái thúng,
 Bụng bằng quả bông,
 Nằm võng tròn cong,
 Vừa đi vừa hát”*
 A. Đàn T’rưng. B. Cồng chiêng. C. Khèn. D. Tù và.
- Câu 59.** Bốn màu sắc chủ đạo trên trang phục của người Hmông là
 A. lục, lam, chàm, tím. B. đen, trắng, đỏ, xanh. C. trắng, đỏ, cam, tím. D. xanh, đỏ, tím, vàng.
- Câu 60.** Hiện nay, phần lớn dân tộc Chăm cư trú ở Ninh Thuận và Bình Thuận theo
 A. Hin-đu giáo. B. Phật giáo. C. Thiên Chúa giáo. D. Hồi giáo.
- Câu 61.** Vì sao các dân tộc thiểu số ở nước ta trước đây chủ yếu đi lại, vận chuyển là đi bộ và vận chuyển đồ bằng gùi?
 A. Do sống chủ yếu ở miền núi dốc, hẹp.
 B. Do sống chủ yếu ở vùng đồng bằng nhiều sông, kênh.
 C. Do nhu cầu vận chuyển đồ đạc ngày càng nhiều.
 D. Do lúc bấy giờ phương tiện xe và thuyền chưa xuất hiện.
- Câu 62.** Sản phẩm của nhiều ngành nghề rất đa dạng và tinh xảo, không chỉ đáp ứng nhu cầu của người dân trong nước mà còn được xuất khẩu. Đây là nhận xét về hoạt động kinh tế nào của cộng đồng dân tộc Việt Nam?
 A. Thủ công nghiệp. B. Nông nghiệp. C. Thương nghiệp. D. Lâm – ngư nghiệp.
- Câu 63.** Nhận định **không** đúng về vai trò của các nghề thủ công trong đời sống, xã hội của cộng đồng dân tộc Việt Nam?
 A. Nghề thủ công trở thành hoạt động kinh tế chính của người Kinh.
 B. Nghề thủ công góp phần nâng cao đời sống kinh tế của người dân địa phương.
 C. Nghề thủ công trở thành một bộ phận tích cực của nền sản xuất hàng hóa ở địa phương.
 D. Nghề thủ công thể hiện lối sống, phong tục của từng cộng đồng.
- Câu 64.** Nội dung nào phản ánh **không** đúng về những thay đổi trong bữa ăn ngày nay của người Kinh?
 A. Chuyên từ ăn gạo nếp sang gạo tẻ. B. Bữa ăn đa dạng hơn rất nhiều.
 C. Sáng tạo ra nhiều món ăn ngon nổi tiếng. D. Cách chế biến và thưởng thức mạng đậm vùng miền.
- Câu 65.** Nhận xét nào dưới đây là đúng về vị trí của ngành nông nghiệp trồng lúa nước ở nước ta hiện nay?
 A. Không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn là mặt hàng xuất khẩu quan trọng.
 B. Là nước xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới, chiếm hơn 25% thị phần toàn cầu.
 C. Là nước đứng đầu về sản lượng lúa gạo trong khu vực Đông Nam Á.
 D. Là mặt hàng nông-lâm-thủy sản có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn nhất.
- Câu 66.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng khi nói đến lễ hội của cộng đồng dân tộc Việt Nam?
 A. Lễ hội được phân bố theo thời gian trong năm, xen vào các khoảng trống thời vụ.
 B. Lễ hội là một sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng.
 C. Các trò chơi ở lễ hội phản ánh những ước vọng thiêng liêng của con người.
 D. Lễ hội bao gồm cả phần lễ (nghỉ lễ, nghỉ thức...) và phần hội (trò chơi dân gian...).
- Câu 67.** Đầu **không** phải là ngữ hệ hiện nay 54 dân tộc Việt Nam sử dụng?
 A. Ngữ hệ Indo-Arya. B. Ngữ hệ Nam Đảo.
 C. Ngữ hệ Nam Á. D. Ngữ hệ Hán-Tạng.

B/ TỰ LUẬN**Câu 1: Nêu nét chính về hoạt động kinh tế và đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam?**

		Người Kinh	Các Dân tộc thiểu số
Hoạt động kinh tế	Nông nghiệp	Lúa nước, chăn nuôi gia súc gia cầm.	Làm nương rẫy (du canh) trồng cây lương thực và cây ăn quả
	Thủ công nghiệp	Làm gốm, dệt, đúc đồng, làm sắt, giấy,	Dệt thổ cẩm, dệt lanh, chế tác đồ trang sức, làm mộc, nhuộm, đan lát,...
	Thương nghiệp	- Buôn bán và giao lưu văn hóa ở chợ - Trung tâm thương mại, siêu thị,... cũng xuất hiện	- Chợ làng, chợ nổi, chợ phiên...
Đời sống vật chất	Ăn	Cơm tẻ và nước chè, canh, rau, nước mắm, cà muối, tương...	Xôi, ngô, ...
	Mặc	Mặc áo nâu và đi chân trần. Phụ nữ mặc váy đen, yếm áo cánh nâu, chít khăn mỏ quạ (miền Bắc) và khăn rằn (miền Nam).	Mỗi dân tộc có nét riêng, chú trọng họa tiết đa sắc và kỹ thuật thêu.
	Ở	Nhà trệt	Nhà sàn, nhà chung (nơi sinh hoạt cộng đồng)
	Đi lại	Ngựa, xe ngựa, xe kéo tay, thuyền, bè, mành, ghe, tàu,...	Ngựa thồ, mành, bè, voi, xe bò...

Câu 2: Nêu nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam?

	Người Kinh	Các dân tộc thiểu số
Tín ngưỡng	- Tổ chức nhiều nghi lễ, cúng tế - Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu, thờ Thành hoàng...	- Thờ cúng tổ tiên, duy trì tín ngưỡng đa thần, “vạn vật hữu linh”...
Tôn giáo	- Tiếp thu nhiều tôn giáo lớn trên thế giới: Phật giáo, Hồi giáo, Công giáo, Tin Lành ...	
Phong tục, tập quán, lễ hội	- Tiến hành nhiều phong tục, tập quán liên quan đến cuộc sống hằng ngày: ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình, cưới-hội-tang ma... - Lễ hội chủ yếu liên quan tới nông nghiệp, tôn giáo: cầu mưa, cầu an, hát múa giao duyên, Ok Om Bok, Ka tê... - Tết Nguyên đán, Thanh minh, Đoan Ngọ, Trung thu, đón năm mới...	

Câu 3: Sưu tầm tư liệu, giới thiệu về một lễ hội truyền thống của một hoặc một số dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.*(HS tự trình bày thành đoạn văn ngắn khoảng 150 từ theo hiểu biết của bản thân)*..... **CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT**.....